

**DANH SÁCH HS-SV KHÓA 2016, 2017 CÒN NỢ HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019**

(Khoa Công nghệ May - Thời trang)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	17001793	Đặng Thị Mỹ Duyên	25/08/1999	17C1-CNM1	
2	17001797	Phạm Thị Ngọc Huyền	07/10/1998	17C1-CNM1	
3	17000823	Nguyễn Anh Khoa	05/09/1999	17C1-CNM1	
4	17001780	Phùng Xuân Lý	01/09/1999	17C1-CNM1	
5	17002609	Nguyễn Thị Thuý Nga	22/02/1999	17C1-CNM1	
6	17001559	Phạm Viết Nhân	02/03/1998	17C1-CNM1	
7	17000738	Lâm Thị Hồng Nhi	24/05/1999	17C1-CNM1	
8	17001795	Lý Thị Xuân Nhi	28/12/1999	17C1-CNM1	
9	17001759	Châu Hồng Nhung	25/11/1999	17C1-CNM1	
10	17004631	Nguyễn Thị Ninh	25/02/1997	17C1-CNM1	
11	17002858	Hồ Thị Mỹ Nương	06/07/1999	17C1-CNM1	
12	17003032	Nguyễn Ngọc Quỳnh	08/03/1999	17C1-CNM1	
13	17001574	Nguyễn Ngọc Thảo	02/06/1999	17C1-CNM1	
14	17001959	Nguyễn Khánh Thuận	07/06/1999	17C1-CNM1	
15	17000811	Mai Ngọc Trâm	15/11/1999	17C1-CNM1	
16	17001143	Lê Thiên Trang	25/02/1997	17C1-CNM1	
17	17002278	Trần Thị Ngọc Trúc	11/04/1999	17C1-CNM1	
18	17001679	Võ Thị Thanh Trúc	05/10/1999	17C1-CNM1	
19	17004634	Nguyễn Vũ Phát Đạt	08/10/1997	17C1-CNM2	
20	17003373	Đinh Trần Hạnh Dung	20/04/1999	17C1-CNM2	
21	17004088	Lại Lộc Lợi	20/01/1998	17C1-CNM2	
22	17004311	Trần Thanh Minh	08/12/1997	17C1-CNM2	
23	17004002	Nguyễn Hoài Nam	27/12/1999	17C1-CNM2	
24	17003643	Nguyễn Thị Kim Ngọc	18/05/1997	17C1-CNM2	
25	17004001	Nguyễn Thị Như Nguyệt	19/04/1999	17C1-CNM2	
26	17003906	Đào Thị Kiều Nhi	28/01/1995	17C1-CNM2	
27	17003492	Bùi Thị Kim Oanh	19/06/1999	17C1-CNM2	
28	17003326	Huỳnh Văn Thi	08/02/1999	17C1-CNM2	
29	17000594	Đoàn Thị Quý Duyên	20/02/2002	17T4-CNM1	
30	17003015	Nguyễn Thành Long	07/01/2002	17T4-CNM1	
31	17000133	Đặng Thị Tuyết Mai	12/01/2002	17T4-CNM1	
32	17000536	Ja Mi Lah Said	02/09/2000	17T4-CNM1	
33	17000118	Phạm Nguyễn Xuân Tâm	12/7/2002	17T4-CNM1	
34	17000094	Vũ Thị Phương Thảo	4/6/2002	17T4-CNM1	
35	17004819	Nguyễn Ngọc Lam Thùy	16/12/2001	17T4-CNM1	
36	17004802	Nguyễn Trần Mỹ Tiên	16/04/1998	17T4-CNM1	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
37	17004539	Trần Ngọc Minh Trang	20/05/2002	17T4-CNM1	
38	16001988	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	05/07/1998	16CĐ-MTT1	
39	16000878	Nguyễn Thị Thu Hà	22/06/1998	16CĐ-MTT1	
40	16001361	Đặng Thị Cẩm Hằng	02/01/1997	16CĐ-MTT1	
41	16003639	Nguyễn Thị Hằng	02/01/1998	16CĐ-MTT1	
42	16001392	Trần Thị Hồng Hạnh	12/03/1998	16CĐ-MTT1	
43	16000832	Lê Nguyễn Mỹ Hào	24/12/1997	16CĐ-MTT1	
44	16001927	Trương Phúc Hậu	22/09/1998	16CĐ-MTT1	
45	16000929	Huỳnh Thị Thúy Hoa	10/02/1996	16CĐ-MTT1	
46	16000450	Nguyễn Thị Thúy Hoa	18/08/1997	16CĐ-MTT1	
47	16001069	Nguyễn Thị Liễu	27/07/1998	16CĐ-MTT1	
48	16003882	Trương Thị Lam Linh	22/08/1995	16CĐ-MTT1	
49	16003664	Nguyễn Thị Thanh Nhân	01/11/1998	16CĐ-MTT1	
50	16000753	Trần Thị Kiều Oanh	21/06/1998	16CĐ-MTT1	
51	16000880	Cao Thanh Quan	04/04/1998	16CĐ-MTT1	
52	16001983	Lê Thị Thanh Thức	24/11/1997	16CĐ-MTT1	
53	16000463	Lê Đỗ Ngọc Trâm	08/04/1995	16CĐ-MTT1	
54	16001483	Văn Thị Thu Trâm	14/04/1998	16CĐ-MTT1	
55	16001900	Phạm Thị Yến Trinh	12/03/1997	16CĐ-MTT1	
56	16000752	Phạm Thị Mỹ Trúc	15/05/1998	16CĐ-MTT1	
57	16001625	Trần Thị Mộng Tường	14/03/1998	16CĐ-MTT1	
58	16000707	Bùi Thị Thanh Vy	01/06/1998	16CĐ-MTT1	
59	16000984	Nguyễn Lê Kim Yên	10/10/1997	16CĐ-MTT1	
60	16002730	Võ Thị Ngọc Dung	06/08/1997	16CĐ-MTT2	
61	16002263	Trần Thị Mỹ Linh	28/10/1997	16CĐ-MTT2	
62	16003450	Phan Thị Thùy Nhung	18/05/1996	16CĐ-MTT2	
63	16002809	Phan Thị Hồng Phúc	29/11/1998	16CĐ-MTT2	
64	16002427	Mai Tuyết Phụng	03/04/1998	16CĐ-MTT2	
65	16002876	Trần Thị Ngọc Thu	22/07/1998	16CĐ-MTT2	
66	16003656	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	08/02/1997	16CĐ-MTT2	
67	16002344	Vũ Tường Lan Vi	06/06/1998	16CĐ-MTT2	
68	16002883	Dương Tuyền Xuân Yên	26/06/1997	16CĐ-MTT2	
69	16000039	Nguyễn Thị Bích Phượng	13/06/2001	16TC-MTT	
70	16000326	Nguyễn Quỳnh Nghinh Thy	12/02/2001	16TC-MTT	
71	16000232	Đặng Thanh Trà	08/12/2000	16TC-MTT	
72	16000458	Nguyễn Thị Khánh Vy	01/05/2000	16TC-MTT	
Tổng cộng:			72	HS-SV	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2018